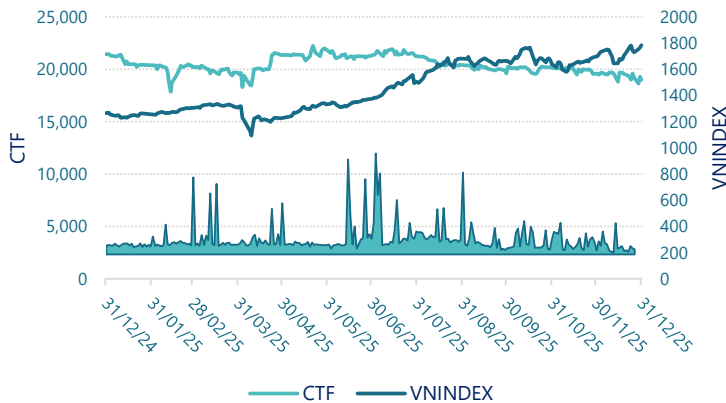




CTCP City Auto (HSX: CTF)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	19,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,244
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,854
SL cổ phiếu LH	95,653,859
KLGD BQ 20 phiên (CP)	310,091
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,817
P/E	178.9
EPS	106

DT thuần

Q4/25

2,411

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 471 | 24.3%

YoY: ▼ 360 | -13.0%

LN sau thuế

Q4/25

8.06

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.04 | 690%

YoY: ▼ 31.0 | -79.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

2.5%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

2025

8,446

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 272 | 3.3%

LN sau thuế

2025

13.2

tỷ VNĐ

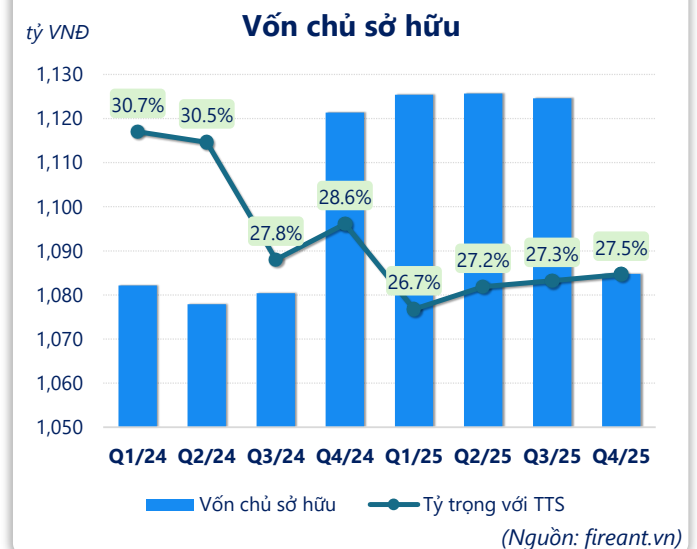
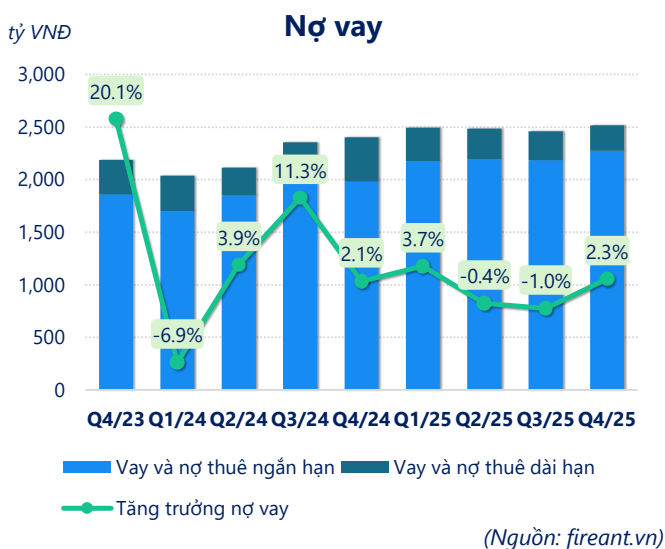
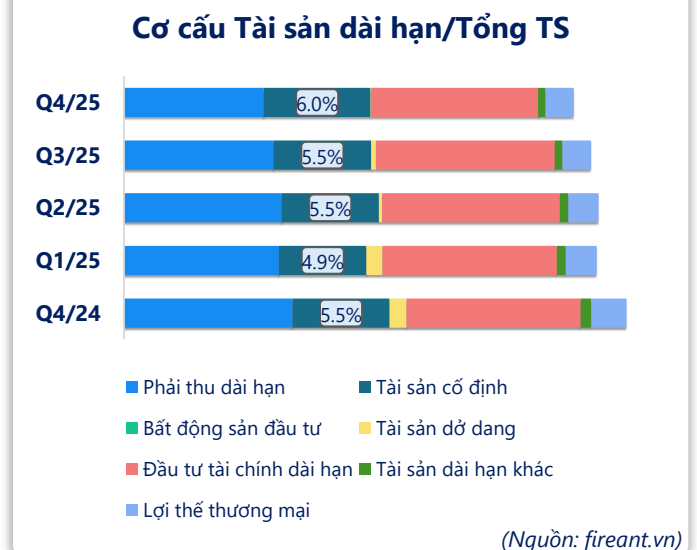
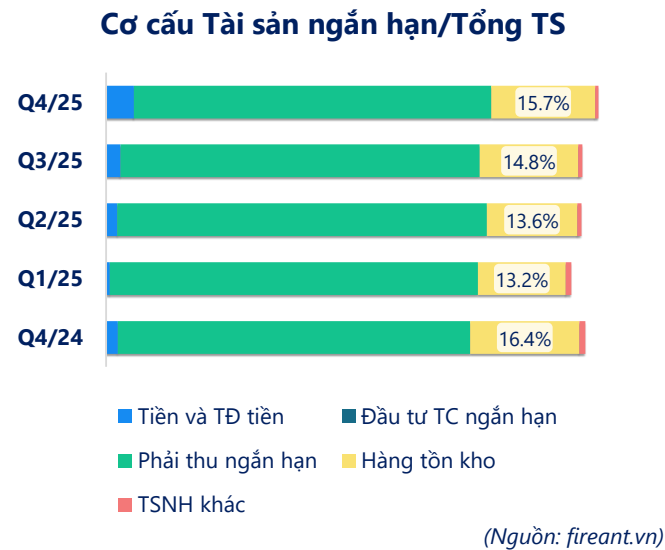
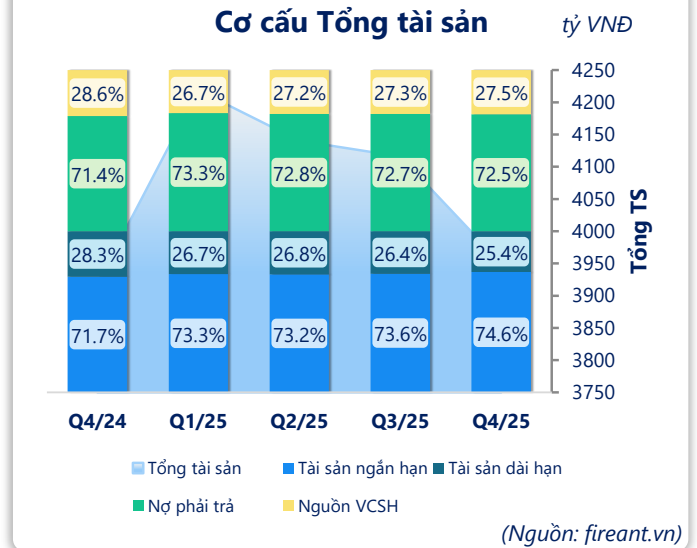
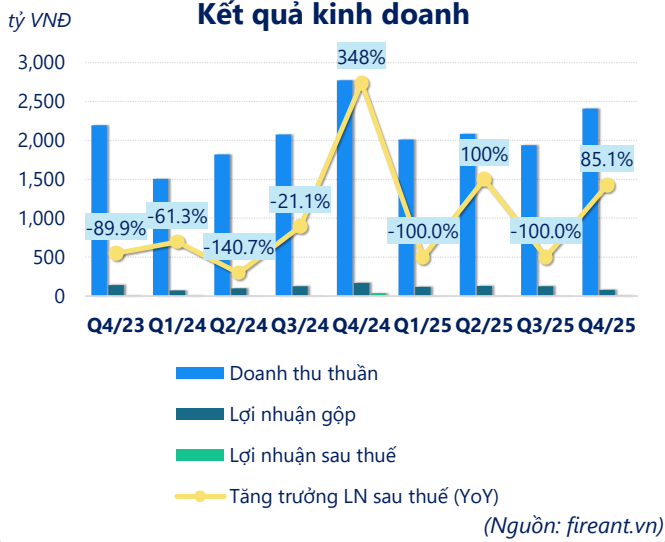
YoY: ▼ 34.7 | -72.6%

ROE

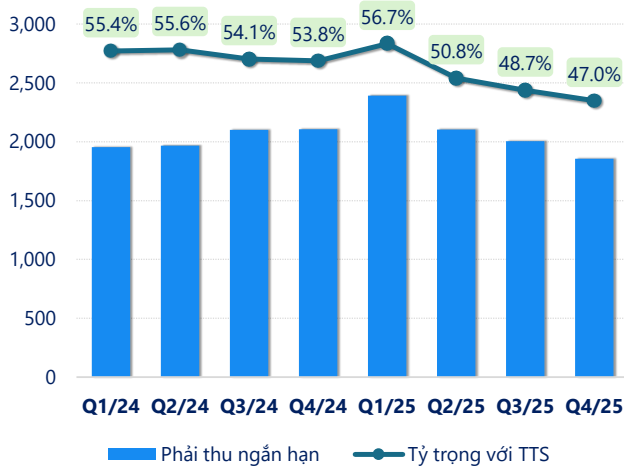
2025

0.9%

+/- YoY: ▼ 3.3%

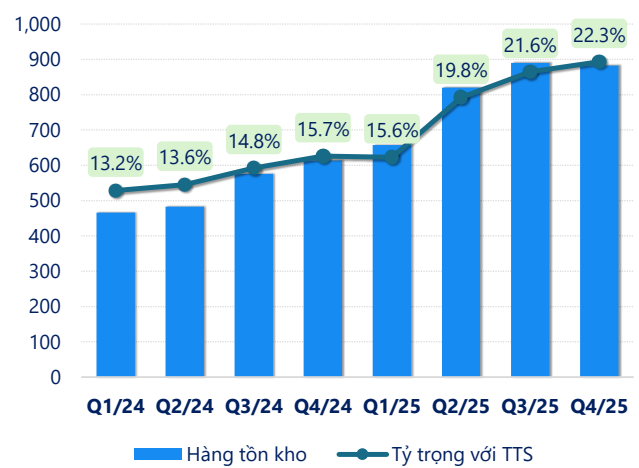


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


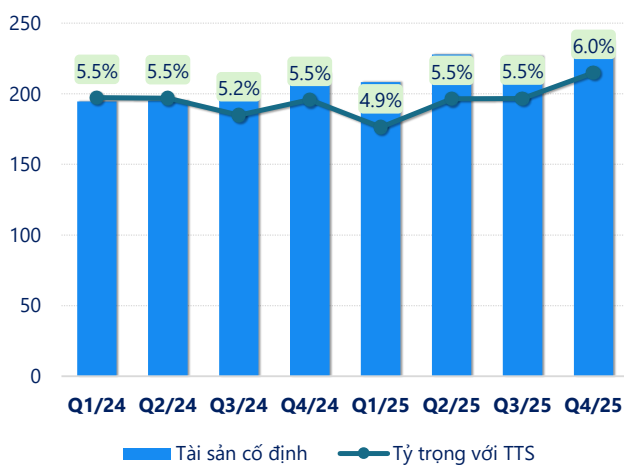
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


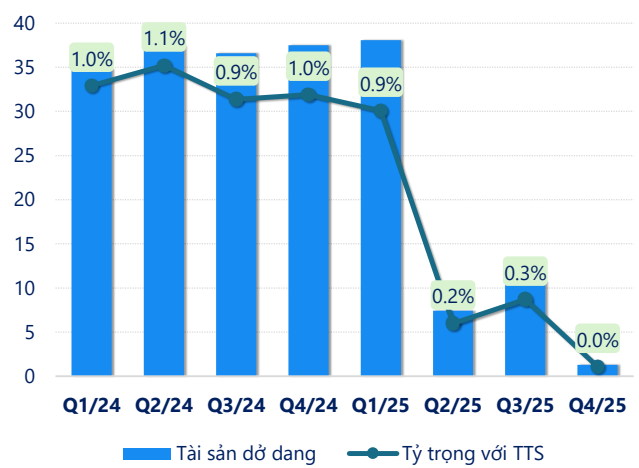
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

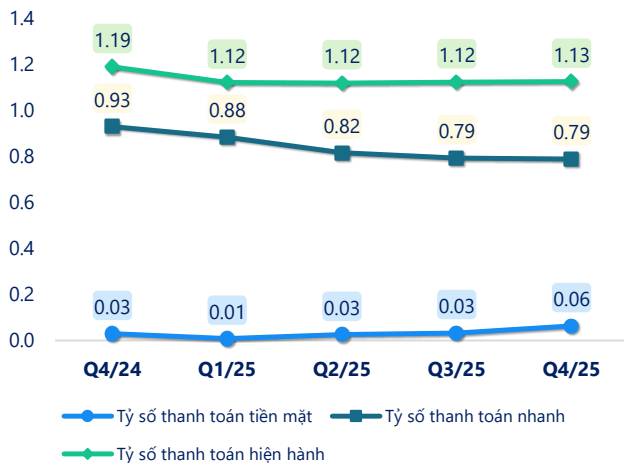
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

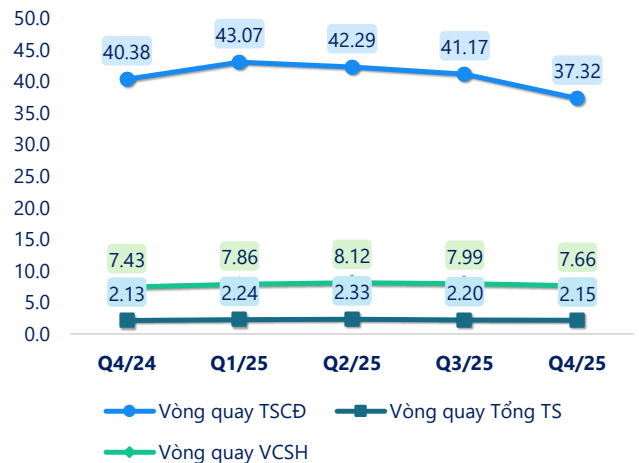
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	3,919	4,219	4,141	4,116	3,950
Tài sản ngắn hạn	2,808	3,093	3,032	3,031	2,947
Tiền và tương đương tiền	69.0	23.1	68.8	88.9	166
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	10.4
Phải thu ngắn hạn	2,107	2,390	2,104	2,006	1,856
Hàng tồn kho	614	657	820	890	882
Tài sản ngắn hạn khác	19.0	23.0	39.2	46.5	33.6
Tài sản dài hạn	1,111	1,125	1,108	1,085	1,003
Phải thu dài hạn	373	369	368	347	312
Tài sản cố định	215	208	228	227	238
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	37.5	38.1	7.43	10.7	1.28
Đầu tư tài chính dài hạn	385	415	415	415	373
Tài sản dài hạn khác	23.7	21.5	19.9	18.0	16.5
Lợi thế thương mại	77.2	73.7	70.1	66.6	63.1
Nợ phải trả	2,798	3,093	3,015	2,991	2,865
Nợ ngắn hạn	2,361	2,758	2,710	2,699	2,618
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,982	2,177	2,195	2,184	2,275
Phải trả người bán ngắn hạn	189	386	294	285	156
Nợ dài hạn	437	335	305	292	247
Vay và nợ thuê dài hạn	422	317	288	276	241
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,121	1,125	1,126	1,125	1,085
Vốn chủ sở hữu	1,121	1,125	1,126	1,125	1,085
Vốn điều lệ	957	957	957	957	957
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)